

GIÁO DỤC TRUNG KÌ THỜI PHÁP THUỘC (1887-1945)

NGUYỄN THỊ THÁI CHÂU*

Ngày nhận bài: 30/05/2016; ngày sửa chữa: 03/06/2016; ngày duyệt đăng: 04/06/2016.

Abstract: Educational system of Central areas under the French colonial period (1887-1945) had some similarities to the South and the North of Vietnam and there were many differences. The outstanding characteristics of education in this period were coexistence of two education system "Sinology" and "Western learning" (1887-1919) and after that eradicated "Sinology" (1920-1945). Based on analysis of characteristics of these education systems, author assesses the positives and negatives of these education systems and gives overview of historical education systems in Central areas.

Keywords: Education system; French colonial period, Central areas.

Trung kì chính thức trở thành đất bảo hộ của Pháp sau hai hòa ước năm Quý Mùi 1883 và Patenôtre năm Giáp Thân 1884. Sau khi chiếm được Trung kì, Pháp đưa Trung kì vào "quỹ đạo" của công cuộc khai thác thuộc địa trên toàn cõi Liên bang Đông Dương. Xuất phát chính từ nhu cầu nguồn nhân lực và đội ngũ tay sai..., ngay khi đặt chân đến Trung kì, Pháp đã chú trọng và đầu tư vào lĩnh vực giáo dục. Giáo dục Trung kì (1887-1945) mang những đặc điểm chung giống với giáo dục ở Nam kì và Bắc kì; song cũng có những đặc thù riêng biệt. Quá trình du nhập nền giáo dục phương Tây vào Trung kì không diễn ra theo chiều sâu, nhanh chóng và đột ngột mà mang tính chất thận trọng, chậm chạp và nhỏ giọt trải qua hai giai đoạn: Giai đoạn xác lập nền giáo dục "Tân học" cùng song song tồn tại với nền giáo dục "Hán học" (1887-1919) và giai đoạn xóa bỏ hoàn toàn nền giáo dục "Hán học" (1920-1945) ở Trung kì.

1. Vài nét về hệ thống giáo dục ở Việt Nam thời Pháp thuộc

Căn cứ vào chính sách giáo dục của mỗi vị Toàn quyền qua các thời; Đặc biệt, thông qua hai cuộc cải cách giáo dục (1906) và (1917) của Pháp ở Việt Nam, Giáo dục Pháp - Việt được chia làm 3 cấp: - Tiểu học; - Trung học; - Cao đẳng chuyên nghiệp và đại học. Ngoài ra còn có hệ thực nghiệp (trường dạy nghề).

1.1. Hệ tiểu học: gồm 2 cấp là Ấu học và Tiểu học (6 lớp): Chương trình dạy chủ yếu bằng 3 ngôn ngữ: chữ Pháp (bắt buộc), chữ Quốc ngữ, chữ Hán. Trong đó chữ Pháp và chữ Quốc ngữ chiếm thời lượng lớn. Cuối bậc có kì thi lấy bằng tiểu học Pháp - Việt.

1.2. Hệ trung học: gồm 2 ban Cao đẳng tiểu học và Tú tài: - Cao đẳng tiểu học gồm: lớp nhất niên, nhị niên, tam niên và tứ niên. Cuối năm thứ tư học sinh (HS) được đi thi để lấy bằng Cao đẳng tiểu học; - Tú tài có thời gian học là 3 năm: đệ nhất niên, đệ nhị niên

và đệ tam niên. Chương trình dạy chủ yếu bằng 3 ngôn ngữ (chữ Pháp, chữ Quốc ngữ và chữ Hán), trong đó chữ Hán chiếm thời lượng ít nhất. Chương trình tú tài ngay từ đệ nhất niên đã có sự phân ban thành ban Khoa học, ban Toán và ban Triết. HS học xong đệ nhị niên có thể lấy bằng tú tài bán phần rồi tiếp tục học năm cuối và thi lấy bằng tú tài toàn phần (tú tài bản xứ).

1.3. Hệ cao đẳng chuyên nghiệp và đại học

- Trường cao đẳng: Thí sinh muốn vào học phải qua một kì thi tuyển. Trúng tuyển được cấp học bổng toàn khóa. Tốt nghiệp phải làm việc cho chính quyền 1 thời gian ấn định (10 năm). Hệ này chuyên đào tạo các chuyên viên có nghề nghiệp nhất định như bác sĩ, kĩ sư, công chức...

- Trường đại học: Thí sinh không thi tuyển, chỉ đảm bảo các điều kiện về văn bằng yêu cầu, không giới hạn về tuổi tác. Chương trình học không mang tính chất nghề nghiệp bắt buộc như các trường cao đẳng chuyên nghiệp. Sinh viên tự túc học phí, trừ những sinh viên xuất sắc được cấp học bổng. Sinh viên ra trường tự xin việc làm.

1.4. Hệ thực nghiệp: Trường dạy nghề tương ứng với bậc Tiểu học và Trung học. Sau khi tốt nghiệp HS sẽ làm việc ở các cơ sở sản xuất. Nhìn chung, hệ thống giáo dục Pháp - Việt ở Việt Nam đều rập khuôn theo tổ chức giáo dục của Pháp. Nhưng được tổ chức chặt chẽ hơn cho phù hợp với giáo dục bản địa, phục vụ đắc lực cho công cuộc khai thác thuộc địa của Pháp.

2. Giáo dục Trung kì thời Pháp thuộc (1887-1945)

2.1. Thời kì 1887-1919

Thời kì này, Pháp duy trì nền giáo dục "Tân học" song song với nền giáo dục "Hán học". Chương trình

* Trường Cao đẳng sư phạm Thừa Thiên - Huế

Giáo dục Pháp - Việt ở Trung kì bao gồm 3 cấp học: - Ấu học; - Tiểu học; - Trung học.

Bậc Ấu học và Tiểu học được hình thành phổ biến. Hầu hết các tỉnh từ Thanh Hóa, Vinh, Huế đến Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên đều có trường ở bậc Ấu học và Tiểu học. Tuy nhiên số lượng trường ở mỗi tỉnh rất ít ỏi. Ví dụ như Thanh Hóa, Vinh, Huế mỗi nơi chỉ có 2 trường với số lượng HS rất hạn chế, khoảng từ 40 đến 60 người.

Đối với hệ đào tạo bậc Trung học, giai đoạn này chưa phát triển. Hầu hết các tỉnh ở Trung kì chưa có trường trung học. Duy nhất ở Huế có 2 trường trung học đó là Cao đẳng tiểu học Đồng Khánh (1917) dành cho HS nữ từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Trường Quốc học Huế hay còn gọi là trường Collège Khải Định mở năm 1896 dành cho HS từ Quảng Trị đến Quảng Nam. Thời kì này, HS các tỉnh Trung kì muốn học hệ Trung học phải ra Huế hoặc Hà Nội.

Bên cạnh hệ thống trường ở 3 cấp học, nhà nước bảo hộ còn mở các loại trường như: Trường Hậu Bô (Huế) đào tạo quan lại; Trường canh nông Huế (1898) và Trường Bá Công Huế (1899) đào tạo nghề. Dấu ấn của những trường này còn rất mờ nhạt trong hệ thống giáo dục ở Trung kì. Trường Pháp không phổ biến nhiều như ở Bắc Kì và Nam Kì.

Nếu như hệ thống trường Pháp - Việt ở 3 cấp học được mở một cách ít ỏi, hạn chế về số lượng thì hệ thống trường chữ Hán lại rất phát triển, tồn tại khắp nơi (bao gồm cả trường công và trường tư) ở các tỉnh Trung kì. Chính quyền bảo hộ đã cố gắng đưa chữ Quốc ngữ và chữ Pháp vào chương trình ở các lớp Ấu học, Tiểu học nhưng chữ Hán vẫn chiếm thời lượng lớn. Số trường dạy chữ Hán khá nhiều bao gồm trường tỉnh, trường phủ huyện và các trường tư ở khắp các làng xã. Hệ thống trường chữ Hán và giáo dục “Hán học” vẫn đóng vai trò quan trọng, chủ đạo của giáo dục Trung kì cho đến năm 1917 khi kì thi Hương cuối cùng ở Huế năm 1917 và khoa thi Hội chót năm 1919.

2.2. Thời kì 1920 đến 1945:

Thực dân Pháp nhận thấy rằng việc duy trì song song 2 nền giáo dục “Hán học” và “Tây học” không mang lại kết quả cao, cản trở đến công cuộc khai thác thuộc địa. Thời kì này, Pháp chủ trương bãi bỏ hệ thống giáo dục Hán học và các trường Hán học; tập trung toàn bộ vào Hệ thống trường Pháp - Việt; đặc biệt chú trọng vào 2 cấp học Tiểu học và Trung học ở Trung kì. Cụ thể:

- Cấp tiểu học: Số lượng trường tiểu học tăng lên nhiều so với thời kì 1887 - 1919 ở các tỉnh Trung kì.

Phổ biến 3 loại trường: Tiểu học toàn cấp lập ở tỉnh, Sơ đẳng tiểu học lập ở phủ, huyện, Sơ học ở các tổng, xã. Chương trình học giống với chương trình bậc tiểu học ở Bắc kì. Chữ Pháp bắt buộc và chữ Quốc ngữ tăng cường thời lượng.

- Cấp trung học: Bên cạnh duy trì những trường trung học đã thành lập trước, Pháp tăng cường mở thêm một số trường Trung học ở các tỉnh như: Trường Collège de Vinh (Vinh, 1920) thu nhận HS nam các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Bình, Collège Quy Nhơn ở Bình Định (1921) thu nhận HS nam từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận. Chương trình học theo chương trình hệ Trung học Pháp - Việt. Giáo viên đa số là người Pháp.

Mặc dù chính quyền đô hộ đã chủ trương bãi bỏ trường dạy chữ Hán nhưng số lượng trường dạy chữ Hán vẫn mọc lên nhiều ở Trung kì. Để hạn chế điều này, Pháp cho tăng cường thành lập Trường phổ cập giáo dục và số lượng trường này tăng lên nhanh chóng ở Trung kì. Năm 1930 có khoảng 826 trường, tỉnh nhiều nhất là Thanh Hóa, sau đó đến Quảng Nam và Quảng Ngãi.

Thời kì này, ở Trung kì rộ lên phong trào mở trường tư thục và truyền bá chữ Quốc Ngữ ở các tỉnh, tiêu biểu như Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

Một điểm rất nổi bật của giáo dục Pháp ở Trung kì là sự xuất hiện của loại trường dành cho dân tộc ít người. Có 3 trường ở Kon Tum, Pleiku, Buôn Ma Thuột dành cho các dân tộc Giarai, Bana, Sêđăng, Êđê [1; tr 20]; Thành lập Ban sư phạm miền núi ở các trường sư phạm (Huế). Hệ thống trường cao đẳng chuyên nghiệp và đại học không phát triển như Nam kì và Bắc kì. HS sau khi tốt nghiệp Trung học muốn học lên phải ra Hà Nội.

Mặc dù Pháp đã cố gắng tăng cường chương trình giáo dục Pháp - Việt ở hai cấp học Tiểu học và Trung học hơn trước, nhưng thực chất chính quyền thực dân chỉ xây dựng ở Trung kì một nền giáo dục nhỏ bé, nghèo nàn và lạc hậu. Ví dụ ở Quảng Bình, trước năm 1930, toàn tỉnh chỉ có 3 nơi là Đồng Hới, Lệ Thủy, Quảng Trạch có trường tiểu học. Số lượng người đi học ở trường Pháp - Việt còn rất hạn chế, đa số nhân dân Trung kì mù chữ, dân trí thấp.

3. Một vài nhận định về giáo dục Trung kì thời Pháp thuộc (1887- 1945)

3.1. Tích cực:

Sau những thế kỉ huy hoàng, cùng với sự suy tàn của chế độ phong kiến Việt Nam, giáo dục Nho giáo

không còn phù hợp, không đáp ứng nhu cầu của đất nước lúc bấy giờ. Sự xuất hiện của nền giáo dục “Tây học” đã đưa đến những thay đổi mới cho nền giáo dục Trung kì: - Chương trình học bao gồm khoa học xã hội và khoa học tự nhiên đã trang bị kiến thức cho người học một sự hiểu biết toàn diện trên nhiều lĩnh vực, phá vỡ lối tư duy khép kín, bảo thủ, rập khuôn của đội ngũ “Tri thức cũ” ở Trung kì; - Sự kết hợp giữa 2 nền giáo dục “Nho học” và “Tây học” đã tạo ra được một đội ngũ tri thức “Tây học”, một tầng lớp mới trong xã hội Trung kì lúc bấy giờ. Đó là những con người mang trong mình những giá trị truyền thống về ý thức dòng họ, quê hương và lòng yêu nước kết hợp với tư tưởng tiến bộ, dân chủ của phương Tây. Và chính sự kết hợp đó đã tạo nên những con người tiên phong cho phong trào canh tân đất nước như Phan Chu Trinh, Hồ Chí Minh... ở Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX; - Cùng với sự du nhập chữ Quốc ngữ, và chữ Pháp bắt buộc trong chương trình học đã thúc đẩy nhanh hơn cuộc hội nhập văn hóa “Đông - Tây” ở Trung kì. Những tác phẩm văn học Tây phương, những kiến trúc nhà thờ cùng với những bản thánh ca, những tạp chí, máy in, văn hóa đô thị... cũng đã có mặt tại vùng đất nặng về Nho giáo lâu đời; - Nền giáo dục “Tây học” đa dạng về trường lớp, giới tính, độ tuổi, phân định trường nam và trường nữ đã cho chúng ta một cách nhìn mới, tiến bộ hơn về bình đẳng giới, vị trí của người phụ nữ mà trong giáo dục Nho học không tìm thấy, đặc biệt là ở xứ Trung kì; - Giáo dục Trung kì, cùng với giáo dục Bắc kì và Nam kì đã đặt nền móng cho nền giáo dục Việt Nam hiện đại bao gồm cả hình thức và tổ chức nội dung.

3.2. Tiêu cực: - Với chủ trương duy trì một nền giáo dục “ngu dân” và “không có hại” cho chính quốc, thực chất giáo dục Trung kì giai đoạn này vẫn là một nền giáo dục thực dân, mất cân đối, lạc hậu, nặng về tuyên truyền văn hóa mẫu quốc hơn là phát triển chiều sâu để nâng cao dân trí. Vì thế, ở Trung kì giai đoạn này hơn 90% dân số mù chữ; - Chương trình giáo dục chỉ tập trung chủ yếu ở 2 cấp Tiểu học và Trung học, không đầu tư nhiều ở hệ Cao đẳng và đại học nên giáo dục Trung kì phát triển chậm, lạc hậu hơn so với Bắc kì và Nam kì; - Người Pháp không đưa những môn học khoa học tiên tiến với tính ứng dụng cao vào chương trình học nhiều, hạn chế số lượng HS Trung kì đi du học ở nước ngoài để tránh làm hại cho nền giáo dục “Mẫu quốc”. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Trọng Báu (2006). *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*. NXB Giáo dục.
- [2] Phan Trọng Báu (2008). *Nhìn lại hai cuộc cải cách giáo dục (1906 và 1917) ở Việt Nam đầu thế kỉ XX*. Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 5/2008.
- [3] Ngô Minh Oanh (2011). *Sự du nhập giáo dục phương Tây vào Nam kì Việt Nam thời thuộc Pháp (1861-1945)*. Tạp chí Khoa học xã hội, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Phan Ngọc Liên (2006). *Giáo dục và khoa cử Việt Nam*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [5] Đinh Xuân Lâm (chủ biên) (1997). *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập II. NXB Giáo dục.
- [6] Nguyễn Quang Thắng (1993). *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam*. NXB Văn hóa - Thông tin.

Quan niệm về giải phóng phụ nữ...

(Tiếp theo trang 143)

tới hạnh phúc, tự do là khát vọng mạnh mẽ nhất, cao đẹp nhất, không gì ngăn cản nổi của con người ở mọi thời đại.

Từ sự phân tích trên đây, chúng ta thấy, quan niệm về giải phóng phụ nữ được thể hiện trong CD, TN Việt Nam mang tinh thần nhân văn, cách mạng, vượt thời đại, thể hiện khát vọng, ước mơ chính đáng của con người về một xã hội tự do, bình quyền, hạnh phúc. CD, TN Việt Nam về giải phóng phụ nữ chính là tiếng nói thốt ra từ sâu thẳm trái tim do đó nó rất dễ đi đến trái tim để cảm hóa mỗi con người. Mặc dù tư tưởng đấu tranh giải phóng người phụ nữ trong CD,

TN Việt Nam mang tính tự phát nhưng vẫn còn giữ nguyên giá trị đến ngày hôm nay, thể hiện giá trị và sức sống lâu bền của văn hóa dân gian - cội nguồn, tinh hoa văn hóa dân tộc. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (1999). *Tuyển tập Văn học dân gian. Tập 4, quyển 1: Tục ngữ - Ca dao*. NXB Giáo dục.
- [2] Vũ Ngọc Phan (2010). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. NXB Văn học.
- [3] Phạm Việt Long (2010). *Tục ngữ, ca dao về quan hệ gia đình*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Nguyễn Nghĩa Dân (2000). *Đạo làm người trong tục ngữ, ca dao Việt Nam*. NXB Thanh niên.
- [5] Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (2007). *Từ điển thuật ngữ văn học*. NXB Giáo dục.